

## XÁC ĐỊNH HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH VÀ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN NHƯ QUỲNH \*

### 1. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp<sup>(1)</sup>

Nhằm bù đắp cho những nỗ lực sáng tạo của chủ thể đã tạo ra đối tượng sở hữu công nghiệp, pháp luật quy định chủ thể sáng tạo được trao những độc quyền trong thời hạn nhất định. Tuy nhiên, độc quyền có thể gây ra những tác động tiêu cực cho khả năng tiếp cận hàng hoá của người tiêu dùng, cho sự lưu chuyển bình thường của hàng hoá, dịch vụ trên thị trường và cho cạnh tranh lành mạnh. Bởi chủ thể nắm giữ quyền sở hữu công nghiệp dễ dàng lạm dụng quyền đó để cản trở hoạt động thương mại, gây tổn hại cho người tiêu dùng.<sup>(2)</sup> Hơn nữa, xuất phát từ giá trị thương mại của đối tượng sở hữu công nghiệp, chủ thể kinh doanh thường nghĩ đến việc sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của đối thủ cạnh tranh (vốn được coi như một trong những thành quả đầu tư của đối thủ cạnh tranh) để kiếm lời và gây thiệt hại cho đối thủ cạnh tranh. Bởi vậy, việc xuất hiện các hành vi cạnh tranh liên quan đến sở hữu công nghiệp là tất yếu. Những hành vi này vừa vi phạm pháp luật cạnh tranh vừa vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ được chia thành hai loại: hành vi hạn chế cạnh tranh và hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Khi

nền kinh tế càng phát triển thì những hành vi này càng nhiều. Thực tế đó đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa pháp luật cạnh tranh và pháp luật sở hữu trí tuệ, sự cân bằng giữa bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chính sách đảm bảo cạnh tranh lành mạnh.<sup>(3)</sup>

Hành vi cạnh tranh bất hợp pháp liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp vi phạm cả pháp luật cạnh tranh và pháp luật sở hữu trí tuệ. Nhiều quốc gia trên thế giới nhìn nhận được mối quan hệ giữa pháp luật cạnh tranh và pháp luật sở hữu trí tuệ nên đã có chính sách cũng như pháp luật giải quyết các vụ việc cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Vấn đề này đã được quy định trong Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp năm 1883 (khoản 2, khoản 3 Điều 10bis) và Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ - TRIPS năm 1994 (khoản 2 Điều 8 và Điều 40).

Ở Việt Nam, cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp lần đầu tiên được quy định tại Nghị định của Chính phủ số 54/2000/NĐ-CP ngày 31/10/2000 về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành

\* Giảng viên Khoa luật dân sự Trường Đại học Luật Hà Nội

mạnh liên quan tới sở hữu công nghiệp. Hiện nay, vấn đề này được điều chỉnh bởi nhiều văn bản khác nhau như: Luật cạnh tranh (LCT) năm 2004; Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (LSHTT); Luật chuyển giao công nghệ năm 2007; Nghị định của Chính phủ số 116/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của LCT; Nghị định của Chính phủ số 106/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp. Ở nước ta, mặc dù hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp đã xuất hiện và được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tuy nhiên đây vẫn là vấn đề mới, quy định pháp luật chưa rõ ràng và kinh nghiệm của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết loại việc này còn thiếu.

*1.1. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp<sup>(4)</sup>*

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp là hành vi có những đặc điểm sau đây: Do doanh nghiệp tiến hành trong quá trình kinh doanh; trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh; liên quan đến sử dụng hoặc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp khác hoặc của người tiêu dùng.

Theo quy định của LCT và LSHTT, hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: 1) Hành vi chi dẫn thương mại gây nhầm lẫn; 2) Hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh; 3) Hành vi sử dụng nhãn hiệu được

bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lí của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó; 4) Hành vi đăng kí, chiếm giữ, sử dụng tên miền bất hợp pháp. Trong đó, LCT quy định hành vi 1) và 2) là những hành vi cạnh tranh không lành mạnh; LSHTT quy định hành vi 1), 3), 4) là những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, còn hành vi 2) là hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh.

*1.1.1. Hành vi chi dẫn thương mại gây nhầm lẫn*

LCT quy định về hành vi chi dẫn gây nhầm lẫn tại Điều 39, Điều 40 và LSHTT quy định về hành vi sử dụng chi dẫn thương mại gây nhầm lẫn tại Điều 130.

Theo quy định của LCT và LSHTT, chi dẫn gây nhầm lẫn bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh khi: 1) Sử dụng chi dẫn thương mại gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hoá, dịch vụ (khoản 1 Điều 40 LCT và điểm a khoản 1 Điều 130 LSHTT); 2) Sử dụng chi dẫn thương mại gây nhầm lẫn về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hoá, dịch vụ, về điều kiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ (điểm b khoản 1 Điều 130 LCT); 3) Kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có sử dụng chi dẫn địa lí gây nhầm lẫn (khoản 2 Điều 40 LCT).

Chi dẫn thương mại là các dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn thương mại hàng hoá, dịch vụ, bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chi dẫn địa lí, kiểu dáng bao bì của

hàng hoá, nhãn hàng hoá (khoản 2 Điều 130 LSHTT). Hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại bao gồm: Gắn chỉ dẫn thương mại lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch kinh doanh, phương tiện quảng cáo; bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu hàng hoá có gắn chỉ dẫn thương mại (khoản 3 Điều 130 LSHTT).

*Ví dụ:* Cơ sở cà phê MêHyCô sử dụng biểu hiệu gây nhầm lẫn với biểu hiệu của cà phê Trung Nguyên.<sup>(5)</sup> Cụ thể, Công ti cà phê Trung Nguyên hoạt động kinh doanh với ngành nghề chế biến cà phê bột (đăng kí kinh doanh năm 1996) và sử dụng rộng rãi biểu hiệu: “*Trung Nguyên - cho bạn nguồn cảm hứng sáng tạo mới*” trong hoạt động kinh doanh. Biểu hiệu này được sử dụng tại các quán cà phê ở những địa điểm cung ứng cà phê của Trung Nguyên. Biểu hiệu của cà phê Trung Nguyên có những đặc điểm chính như sau (theo bố cục của biểu hiệu từ trên xuống): dòng chữ “cà phê hàng đầu Buôn Mê Thuật” màu vàng; dòng chữ “Trung Nguyên” ở giữa màu trắng; dòng chữ “mang lại nguồn cảm hứng sáng tạo mới” được thể hiện theo đường uốn khúc (chữ đỏ trên nền vàng); góc bên phải có hình mũi tên viền trắng hướng lên trên; góc bên trái là hình tách cà phê trên nền các hạt cà phê. Cơ sở cà phê MêHyCô hoạt động kinh doanh từ năm 1999 có cùng ngành nghề chế biến cà phê với Trung Nguyên và hoạt động tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Cơ sở MêHyCô sử dụng biểu hiệu “MêHyCô - Cho bạn cảm giác sáng tạo mới” tại một số địa điểm kinh doanh của cơ sở và tại những địa điểm đã đặt biểu hiệu của xí nghiệp Trung Nguyên. Biểu hiệu của cơ

sở MêHyCô có những đặc điểm chính sau đây: dòng chữ “hãng cà phê hàng đầu Buôn Mê Thuật” màu vàng ở phía trên; dòng chữ “Mê Hy Cô” ở giữa màu trắng; dòng chữ “*hương vị cho bạn cảm giác sáng khoái mới*” được thể hiện theo đường uốn khúc (chữ đỏ trên nền vàng); góc bên phải có hình mũi tên viền trắng hướng lên trên; góc bên trái là hình tách cà phê trên nền các hạt cà phê.

Theo quy định của LCT và LSHTT, sử dụng nhãn hiệu hoặc/và tên thương mại gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hoá, dịch vụ bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Trong khi đó, hành vi sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng kí kèm theo nhãn hiệu đó và hành vi sử dụng dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng, tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng kí kèm theo nhãn hiệu đó có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu (điểm b, điểm c khoản 1 Điều 129 LSHTT). Cũng theo quy định của LSHTT, mọi hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại trùng hoặc tương tự với tên thương mại của người khác đã được sử dụng trước cho cùng loại sản phẩm, dịch vụ hoặc cho sản phẩm, dịch vụ tương tự, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với tên thương mại (khoản 2 Điều 129). Cho nên, nếu chỉ dựa vào những quy định này

của pháp luật, rất khó xác định khi nào hành vi sử dụng nhãn hiệu hoặc sử dụng tên thương mại gây nhầm lẫn là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và khi nào là hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

#### 1.1.2. Hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh

Hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh được quy định tại Điều 39 và Điều 41 LCT. Theo đó, doanh nghiệp bị cấm thực hiện các hành vi sau đây: 1) Tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu hợp pháp bí mật kinh doanh đó; 2) Tiết lộ, sử dụng thông tin thuộc bí mật kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu bí mật kinh doanh; 3) Vi phạm hợp đồng bảo mật hoặc lừa gạt, lợi dụng lòng tin của người có nghĩa vụ bảo mật nhằm tiếp cận, thu thập và làm lộ thông tin thuộc bí mật kinh doanh của chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó; 4) Tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của người khác khi người này làm thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan đến kinh doanh, làm thủ tục lưu hành sản phẩm hoặc bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của cơ quan nhà nước hoặc sử dụng những thông tin đó nhằm mục đích kinh doanh, xin cấp giấy phép liên quan đến kinh doanh hoặc lưu hành sản phẩm.

Hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh không được liệt kê trong các hành vi cạnh tranh không lành mạnh quy định tại Điều 130 LSHTT. Tuy nhiên, quy định tại Điều 41 về các hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh trong LCT lại tương tự với quy định về hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh tại Điều 127 LSHTT. Bên cạnh

bốn hành vi được quy định trong LCT, LSHTT quy định thêm hai hành vi tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 127. Điều 16 Nghị định của Chính phủ số 106/2006/NĐ-CP tách hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh ra khỏi hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Hơn nữa, khoản 2 Điều 5 LSHTT lại quy định rằng: *"Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về sở hữu trí tuệ của Luật này với quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật này"*. Vậy xâm phạm bí mật kinh doanh có thể là hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ hay không?

1.1.3. Hành vi sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 130 LSHTT, hành vi sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh khi thoả mãn đầy đủ các điều kiện sau đây: 1) Nhãn hiệu sử dụng được bảo hộ theo điều ước quốc tế mà Việt Nam cũng là thành viên; 2) Điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu; 3) Người sử dụng nhãn hiệu là người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu; 4) Việc sử dụng không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng.

1.1.4. Hành vi đăng kí, chiếm giữ, sử dụng tên miền bất hợp pháp

Tên miền không phải là đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rất nhiều doanh nghiệp đăng kí, sử dụng tên miền trùng với tên thương mại, nhãn hiệu được bảo hộ mà họ là chủ sở hữu, hoặc trùng với chỉ dẫn địa lí mà họ có quyền sử dụng hợp pháp.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 130 LSHTT, hành vi “ăn cắp” tên miền bị coi là một trong những hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Cụ thể, đó là hành vi đăng kí, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lí của mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lí tương ứng.

Vậy trường hợp cá nhân lợi dụng danh tiếng của nhãn hiệu (của người khác) đã được bảo hộ, sử dụng tên miền trùng với nhãn hiệu này để truyền tải các thông tin cá nhân chứ không nhằm mục đích kinh doanh có bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh không? Nếu chỉ dựa vào quy định của Điều 130 LSHTT, câu trả lời là có thể. Tuy nhiên, nếu xem xét chủ thể thực hiện hành vi và mục đích của chủ thể khi thực hiện hành vi này, chúng ta không thể cho đây là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Bởi vì chủ thể thực hiện hành vi không phải là chủ thể kinh doanh và chủ thể thực hiện hành vi không nhằm mục đích cản trở cạnh tranh lành mạnh, không nhằm mục đích gây thiệt

hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hay người tiêu dùng sản phẩm gắn nhãn hiệu.

1.2. Hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp<sup>(6)</sup>

Hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp là hành vi có những đặc điểm sau đây: do doanh nghiệp tiến hành; làm giảm, sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường; liên quan đến sử dụng hoặc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp.<sup>(7)</sup> Hành vi này thể hiện ở ba dạng: thoả thuận hạn chế cạnh tranh; lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền và tập trung kinh tế.

Nếu như LSHTT có quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp tại Điều 130 thì LCT lại không có quy định cụ thể nào về hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Về nguyên tắc, những thoả thuận hạn chế cạnh tranh quy định tại Điều 8, Điều 9 LCT, những hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền quy định từ Điều 11 đến Điều 14 LCT, những hành vi tập trung kinh tế quy định từ Điều 16 đến Điều 19 LCT mà liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp đều có thể bị coi là hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp.

Theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật sở hữu trí tuệ, những hành vi sau đây bị coi là hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ: 1) Thoả thuận hạn chế phát triển kĩ thuật, công nghệ khi các bên tham gia thoả thuận có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở

lên (khoản 4 Điều 8, khoản 2 Điều 9 LCT); 2) Doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường thực hiện hành vi cản trở sự phát triển kỹ thuật, công nghệ gây thiệt hại cho khách hàng (khoản 3 Điều 13 LCT). Theo Nghị định của Chính phủ số 116/2005/NĐ-CP các hành vi nêu trên được giải thích là việc mua sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp để tiêu huỷ hoặc không sử dụng (khoản 1 Điều 17 và điểm a khoản 3 Điều 28); 3) Ghi nhận những điều khoản hạn chế cạnh tranh trong hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 144 LSHTT, hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không được có các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển quyền, đặc biệt là các điều khoản không xuất phát từ quyền của bên chuyển quyền, bao gồm: 1) Cấm bên được chuyển quyền cải tiến đối tượng sở hữu công nghiệp, trừ nhãn hiệu; buộc bên được chuyển quyền phải chuyển giao miễn phí cho bên chuyển quyền các cải tiến đối tượng sở hữu công nghiệp do bên được chuyển quyền tạo ra hoặc quyền đăng ký sở hữu công nghiệp, quyền sở hữu công nghiệp đối với các cải tiến đó; 2) Trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế bên được chuyển quyền xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ được sản xuất hoặc cung cấp theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp sang các vùng lãnh thổ không phải là nơi mà bên chuyển quyền nắm giữ quyền sở hữu công nghiệp tương ứng hoặc có độc quyền nhập khẩu hàng hoá đó; 3) Buộc bên được chuyển quyền phải mua

toàn bộ hoặc một tỉ lệ nhất định các nguyên liệu, linh kiện hoặc thiết bị của bên chuyển quyền hoặc của người thứ ba do bên chuyển quyền chỉ định mà không nhằm mục đích bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ do bên được chuyển quyền sản xuất hoặc cung cấp. Bên cạnh đó điểm e khoản 2 Điều 20 Luật chuyển giao công nghệ cũng quy định rõ: Bên giao công nghệ "*không được thoả thuận về điều khoản hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của LCT*".

## **2. Một số lưu ý khi xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp**

Vụ việc cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp là loại việc phức tạp và có sự gắn kết giữa hai lĩnh vực cạnh tranh và sở hữu trí tuệ, là sự giao thoa giữa pháp luật cạnh tranh và pháp luật sở hữu trí tuệ. Vấn đề cốt lõi trong giải quyết loại việc này là phân biệt rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và hành vi cạnh tranh bất hợp pháp liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Thực tế, hai loại hành vi này dễ gây nhầm lẫn và khó phân biệt. Để xác định chính xác hành vi, trước tiên cần xem xét chính sách cạnh tranh, chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Nhà nước, áp dụng hài hoà pháp luật cạnh tranh và pháp luật sở hữu trí tuệ, đồng thời xem xét kỹ lưỡng các trường hợp miễn trừ.<sup>(8)</sup> Về nguyên tắc, bất kì hành vi sử dụng quyền sở hữu công nghiệp hoặc sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp nào dẫn đến chia cắt thị trường, duy trì mức giá giả tạo, hoặc bắt buộc những điều kiện

mang tính chất phân biệt, không công bằng đối với đối tác kinh doanh khác đều có thể bị coi là hành vi cạnh tranh bất hợp pháp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.<sup>(9)</sup> Tuy nhiên, một hành vi chỉ có thể bị coi là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc cạnh tranh bất hợp pháp (có thể là hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc hành vi hạn chế cạnh tranh). Cho nên, không thể áp dụng cả hai loại chế tài (chế tài theo pháp luật sở hữu trí tuệ và theo pháp luật cạnh tranh) cho một hành vi liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp hoặc đối tượng sở hữu công nghiệp và cản trở hoặc hạn chế cạnh tranh. Bên cạnh đó, để giải quyết đúng vụ việc cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp, cần lưu ý những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, nắm rõ những đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp và hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp.

*Thứ hai*, hành vi xâm phạm quyền đối với đối tượng sở hữu công nghiệp đã được cấp văn bằng bảo hộ bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

*Thứ ba*, hành vi xâm phạm quyền đối với những đối tượng sở hữu công nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký bảo hộ (chưa được cấp văn bằng bảo hộ) hoặc chưa tiến hành đăng ký bảo hộ bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp.

*Thứ tư*, trường hợp hai sản phẩm mang hai nhãn hiệu không gây nhầm lẫn nhưng

sự trình bày tổng thể trên sản phẩm/bao bì sản phẩm lại gây nhầm lẫn: coi là hành vi cạnh tranh bất hợp pháp liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. *Ví dụ*: Nhãn hiệu "GASTROPULGITE" được bảo hộ tại Việt Nam (đăng kí quốc tế số 314437 của Công ti SCRAS). Công ti cổ phần dược phẩm Hà Tây bán thuốc điều trị các bệnh về rối loạn tiêu hoá mang nhãn hiệu "GASTRODIC". Chỉ riêng nhãn hiệu GASTRODIC mà Công ti cổ phần dược phẩm Hà Tây sử dụng không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu GASTROPULGITE, tuy nhiên, chữ viết, màu sắc, sự phối hợp của các yếu tố này và sự trình bày hộp của sản phẩm GASTRODIC gây nhầm lẫn với sản phẩm GASTROPULGITE của SCRAS. Vì vậy, Công ti cổ phần dược phẩm Hà Tây bị coi là đã thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp.

Xác định hành vi là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hay cạnh tranh không lành mạnh hoặc hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp có ý nghĩa quan trọng. Bởi vì biện pháp xử lí hai loại hành vi này khác nhau dẫn đến hệ quả pháp lí đối với các chủ thể liên quan cũng khác nhau. Chẳng hạn, mức phạt tiền trong xử lí vi phạm hành chính đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ năm triệu đến hai mươi triệu đồng (Điều 30 Nghị định của Chính phủ số 120/2005/NĐ-CP); trong khi đó, mức phạt tiền đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tối thiểu bằng giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được và tối đa bằng năm lần giá trị hàng hoá vi phạm (khoản 4 Điều 214 LSHTT). Khi ban

hành văn bản pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật cạnh tranh và pháp luật sở hữu trí tuệ đối với quy định về cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ chưa được giải quyết thấu đáo. Cho nên, nếu dựa vào các quy định hiện hành, rất khó để phân định giữa hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và hành vi cạnh tranh bất hợp pháp liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Điều này gây khó khăn cho công việc giải quyết các vụ việc cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ảnh hưởng đến lợi ích của các chủ thể liên quan. Đây là một trong những nội dung nên xem xét trong quá trình sửa đổi Luật sở hữu trí tuệ năm 2005./

(1). Về nguyên tắc, hành vi cạnh tranh có thể liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ nói chung, tức là bao gồm cả quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, xuất phát từ tính chất của các đối tượng quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp thì hành vi cạnh tranh chủ yếu liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Bởi vì, đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp gắn liền với hoạt động thương mại, có giá trị thương mại cao. Cho đến nay, pháp luật nước ta cũng chỉ quy định về cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ tập trung xem xét cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp.

(2). Bàn về tác động của độc quyền sở hữu trí tuệ đối với cạnh tranh, David T. Keeling cho rằng: "Nếu chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ dựa vào những quyền này để tiếp tục kiểm soát hàng hoá mà họ đã đưa ra thị trường, những chủ thể này đã có một công cụ đặc biệt để chia cắt thị trường, phân biệt giá, kiểm chế cạnh tranh với cùng một nhãn hiệu và thường liên quan đến hành động chống cạnh tranh". Xem: David T. Keeling, *IPRs in EU Law*, Volume I Free Movement and Competition Law, Oxford University Press, 2003, tr. 75.

(3). Mối quan hệ giữa quyền sở hữu trí tuệ và pháp luật cạnh tranh là vấn đề phức tạp và được xem xét tỉ mỉ nhiều năm nay tại các diễn đàn pháp lý và kinh tế. Về mối quan hệ này, xem: Luc Peeperkorn, *IP Licence and Competition Rules: Striking the Right Balance* 26(4) *World Competition* (2003); Steven D. Anderman *The Interface Between Intellectual Property Rights and Competition Policy*, Cambridge University Press, 2007.

(4). Theo quy định của LCT, "hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng" (khoản 4 Điều 3).

(5). Trong phần viết về ví dụ này, tác giả có tham khảo nội dung bài viết "Xử lý các tranh chấp về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp" trong cuốn "Tài liệu khoá đào tạo: Cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ". Khoá đào tạo này được tổ chức bởi Cục quản lý cạnh tranh (Bộ công thương) và Cục sở hữu trí tuệ (Bộ khoa học công nghệ) diễn ra tại Hà Nội vào tháng 4/2007.

(6). Theo quy định của LCT, "Hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi của doanh nghiệp làm giảm, sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường, bao gồm hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền và tập trung kinh tế" (khoản 3 Điều 3).

(7). Xuất phát từ tính độc quyền cao của quyền đối với sáng chế, hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp thường gắn liền với sáng chế. Xem: T-201/04, *Microsoft v. Commission*, [2007] ECR II-3601.

(8). Josephine Steiner, Lorna Woods & Christiana Twigg-Flesner, *EU Law*, 9th edition, Oxford University Press, 2006, Trang 674-677.

(9). Josephine Steiner, Lorna Woods, *EU Law*, 9th edition, Oxford University Press, 2006, tr. 674; Inge Govaere, *The Use and Abuse of Intellectual Property Rights in EC Law*, Sweet & Maxwell, 1996.